

## BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 2 tháng 4 năm 2026

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 20-21/04/2026

**Ngày cung cấp TT:** 22/04/2026

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 mở; Liên Mạc 2 đóng.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở.
5	9	Cống Lương Cổ	Cống mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập mở.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Tư vấn Chất lượng nước, Môi trường – Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Phủ Lý – cầu Phù Vân, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín, Kênh Hòa Bình.*

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Cống Lương Cổ, Đập Thanh Liệt, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Duy Tiên.*

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên,.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Liên Mạc, Cầu Tó, Cầu Xém, Cầu Thần, Đập Nhật Tựu.*

*Không đạt mức D: Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Sông Đầm, Sông Cầu Ngà, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.*

*Khuyến nghị giải pháp: Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.*

**Bảng chi tiết:**

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Đông Nam 7 km/h. Cống Liên Mạc 1 mở, Liên Mạc 2 đóng. Không có dòng chảy. Nước màu xanh.	27.20	7.96	122	<b>3.29</b>	531	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diên	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Nhiệt độ ngoài trời 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Đông Nam 7 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	27.14	7.5	151	<b>0.67</b>	763	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ ẩm 74%, gió Nam Đông Nam 4km/h. Mây 20%. Đập mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	28.6	7.48	54	<b>1.48</b>	818	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.							
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 67%, gió Nam Đông Nam 5 km/h. Mây 50%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen, đục.	28.20	7.20	53	2.33	683	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 60%, gió Nam Đông Nam 6km/h. Mây 40%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen. Trên sông nhiều rác.	28.6	7.1	35	3.48	657	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đông	Đánh giá chất lượng nước vị	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 61%, gió Đông Nam 10 km/h, mây 70%.	30.7	7.81	27	6.77	601	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6			
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5			
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4			
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2			
	Quan (Thượng lưu)	trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.	Đập mở thông. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.							pH đạt mức B
7	Cầu Thân	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 56%, gió Đông Nam 8km/h, mây 20%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu xanh.	29.00	7.64	34	<b>3.41</b>	655	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 56%, gió Đông Nam 6km/h, mây 10%. Đập mở, dòng chảy nhanh về hạ lưu. Nước màu xanh. Trên sông nhiều bèo.	28.5	7.38	59	<b>3.36</b>	656	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					<i>6.5 – 8.5</i>		<i>≥ 6</i>		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 5</i>		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 4</i>		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					<i>&lt; 6.0 hoặc &gt; 8.5</i>		<i>≥ 2</i>		
		vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.							
9	Cống Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 56%, gió Đông Nam 6km/h, mây 10%. Cống mở thông. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	29	7.54	43	5.15	610	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 56%, gió Đông Nam 6km/h, mây 10%. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình, nước màu xanh.	29.30	7.59	28.0	6.31	664	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Đông Nam 7 km/h. Mực nước trung bình. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Nước màu đen.	26.94	6.21	110.5	<b>0.50</b>	677	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà,	Nhiệt độ ngoài trời 29°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 92%, gió Nam 7 km/h.	27.83	6.67	114	<b>0.8</b>	674	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6			
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5			
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4			
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2			
		nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen. Đang làm đường và xây cầu.							không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 33°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 50%, gió Nam Đông Nam 5 km/h. Đập mở. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	28.30	7.52	25	5.10	483	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B	
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Đông Nam 7 km/h. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Nước màu đen, mùi hôi thối.	27.22	7.38	121.5	<b>0.54</b>	808	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 70%, gió Nam-Đông Nam 5 km/h. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Dòng chảy chậm. Mực nước thấp. Nước màu xám đục. Đang nạo vét bể hút trạm bơm.	27.88	6.09	202	<b>1.30</b>	666	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					<i>6.5 – 8.5</i>		<i>≥ 6</i>		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 5</i>		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 4</i>		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					<i>&lt; 6.0 hoặc &gt; 8.5</i>		<i>≥ 2</i>		
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 70%, gió Nam-Đông Nam 5 km/h.  Cống mở. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, nước màu xám đen.	27.67	7.67	131	<b>0.55</b>	659	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Nhiệt độ ngoài trời 30°C, độ ẩm 77%, gió Nam 4km/h. Mây 80%.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Đang làm kè chân cầu. Mực nước thấp, nước màu đen.	29.02	8.02	129.85	<b>0.37</b>	569	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê	Nhiệt độ ngoài trời 30°C, độ ẩm 77%, gió Nam 4km/h. Mây 80%.  Không có dòng chảy. Mực nước trung	28.43	7.49	170.5	<b>0.45</b>	597	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					<i>6.5 – 8.5</i>		<i>≥ 6</i>		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 5</i>		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					<i>6 – 8.5</i>		<i>≥ 4</i>		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					<i>&lt; 6.0 hoặc &gt; 8.5</i>		<i>≥ 2</i>		
		trước công tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	bình.Nước màu đen.						
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 20%, gió Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy. Mực nước thấp, nước màu xanh, đục. Trên kênh nhiều bèo.	29.40	7.78	60	5.29	499	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 20%, gió Đông Nam 8 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	29.50	7.55	40.0	5.11	655	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu	Nhiệt độ ngoài trời 31°C, độ ẩm 74%, gió Nam-Đông Nam 6km/h. Mây 40%. Cống mở, dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu xám	28.5	7.34	52	<b>1.86</b>	815	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	đen. Đang nạo vét ngoài sông Nhuệ.						
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 60%, gió Nam-Đông Nam 6km/h. Mây 40%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều rác. Nước màu xanh, bị phú dưỡng.	29.6	8.27	28	8.55	545	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 67%, gió Nam-Đông Nam 5km/h. Mây 50%. Cống đóng. Không có dòng chảy. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục, có hiện tượng bị phú dưỡng.	28.80	8.23	40	7.36	435	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

***Nơi nhận:***

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Các Cty KTCTTL tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục Thủy lợi thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lưu phòng Tư vấn CLN, MT.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026*

**TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA  
TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA**